

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP NĂM 2023
(Ngày tháng năm 2023)⁽²⁾

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Đoàn Thị Minh Thoai Ngày tháng năm sinh: 14/11/1983
- Chức vụ/chức danh công tác: Kế Toán
- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường THPT Phan Chu Trinh
- Nơi thường trú: 11 Triệu Việt Vương – TP. Kon Tum – Kon Tum
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 062183003268, ngày cấp: 25/8/2021, nơi cấp: Cục trưởng Cục CS QLHC về TTXH

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Lê Cao Nguyên Ngày tháng năm sinh: 11/11/1979
- Nghề nghiệp: Giáo viên
- Nơi làm việc⁽⁴⁾: Trường THPT Nguyễn Trãi
- Nơi thường trú: Tổ dân phố 7 – TT Pleikân – Ngọc Hồi – Kon Tum
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 233051589, ngày cấp: 07/9/2017, nơi cấp: Công an tỉnh Kon Tum.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: Lê Đoàn Bảo Ngọc Ngày tháng năm sinh: 19/11/2007
- Nơi thường trú: Tổ dân phố 7 – TT Pleikân – Ngọc Hồi – Kon Tum
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: còn nhỏ ngày cấp..... nơi cấp

3.2. Con thứ hai:

- Họ và tên: Lê Đoàn Bảo Châu Ngày tháng năm sinh: 09/06/2015



- Nơi thường trú: Tổ dân phố 7 – TT Pleikân – Ngọc Hồi – Kon Tum

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: còn nhỏ, ngày cấp..... nơi cấp

3.2. Con thứ ba:

- Họ và tên: Lê Đoàn Đức An

Ngày tháng năm sinh: 01/4/2019

- Nơi thường trú: Tổ dân phố 7 – TT Pleikân – Ngọc Hồi – Kon Tum

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: còn nhỏ, ngày cấp 06/21/83/003268 nơi cấp Cục trưởng Cục CS QLHC về TTXH

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: 29 Nguyễn Thị Minh Khai - Tổ dân phố 7 – TT Pleikân – Ngọc Hồi – Kon Tum

- Diện tích⁽⁹⁾: 430 m²

- Giá trị⁽¹⁰⁾: 251.550.000 đồng (thời điểm tháng 1/2021 được tính căn cứ vào QĐ số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc ban hành Bảng giá đất, và QĐ số 46/2020/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc ban hành hệ số điều chỉnh giá đất)

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: số AK 501409 , vào sổ số: H10713

- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾: Tờ bản đồ số 49, thửa số 09.

1.1.2. Thửa thứ 2 (trở lên):

+ Địa chỉ: Tổ dân phố 1 – TT Pleikân – Ngọc Hồi – Kon Tum

+ Diện tích: 142 m²

+ Giá trị: 150.000.000 đồng (Tạm tính tại thời điểm tháng 1/2021 do chưa có đường đi nên chưa xác định được giá trị.)

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng: số BB214188 vào sổ số 00048

+ Thông tin khác (nếu có): Tờ bản đồ số 14 – Lô số 17

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾: không có

1.2.1. Thừa thứ nhất:

- Loại đất:..... Địa chỉ:
- Diện tích:
- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:
- Thông tin khác (nếu có):

1.2.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: 29- Nguyễn Thị Minh Khai – TDP 7 – Ngọc Hồi – Kon Tum
- Loại nhà⁽¹⁴⁾: Nhà ở
- Diện tích sử dụng ⁽¹⁵⁾: 175 m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾: Ước tính khoảng 600 triệu đồng
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- Thông tin khác (nếu có):

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾:

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ:
- Loại công trình:..... Cấp công trình:
- Diện tích:
- Giá trị ⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:



- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾:

3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾: Không có.

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾: Không có

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất: Không có.

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾: Không có

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾: Không có

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): Không có

6.1. Cổ phiếu: Không có

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu: Không có

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp⁽²²⁾: Không có

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾: Không có.

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾: Không có.

- Tên tài sản: Xe ô tô KIA CERATO Số đăng ký: 82003268 Giá trị: 100.000.000Đ

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾: Không có.

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾: Không có.

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾: Không có.

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾:

- Tổng thu nhập của người kê khai: 60 triệu đồng

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 120 triệu đồng.

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: Không có.

- Tổng các khoản thu nhập chung: 180 triệu.

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM ⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất	0	0	
1.1. Đất ở			
1.2. Các loại đất khác			
2. Nhà ở, công trình xây dựng	0	0	
2.1. Nhà ở			
2.2. Công trình xây dựng khác			
3. Tài sản khác gắn liền với đất	0	0	
3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất			
3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất			
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên	0	0	
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.	0	0	
6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):	0	0	
6.1. Cổ phiếu			
6.2. Trái phiếu			
6.3. Vốn góp			
6.4. Các loại giấy tờ có giá khác			
7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:	0	0	
7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).	1	100.000.000đ	Vay ngân hàng
7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).			

8. Tài sản ở nước ngoài.			
9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai ⁽³²⁾ .	0	0	
	0	0	

Ngọc Hà ngày 05 tháng 12 năm....

NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)


/ Lanh

Ngọc Hà ngày 05 tháng 12 năm 2023
(giao bản kê khai)

NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)



Đang chờ Minh chứng